

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Bản án số: 48/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21/02/2022
V/v “Tranh chấp ly hôn”.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH TIỀN GIANG**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Trinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Phan Thanh Hoàng**
- Bà Huỳnh Thị Mỹ Hà**

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Ngọc – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 21 tháng 02 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 326/2021/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 178/2022/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Nguyễn Thị D**, sinh năm A (Xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm: A (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Nguyên đơn Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt, tuy nhiên theo đơn xin ly hôn và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Đ do quen biết, có tìm hiểu, tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết. Sau khi cưới, anh chị sống chung gia đình anh đến cuối năm 2002 thì anh chị cất nhà sống riêng cho đến nay. Quá trình chung sống hạnh phúc đến tháng 9 năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh Đ có người phụ nữ khác, chị và các con của chị đều phát hiện, khuyên nhủ anh nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không từ bỏ mối quan hệ với người phụ nữ đó mà còn chung sống với nhau, ngoài ra anh Đ còn đam mê cờ bạc, đá gà, gây nợ nần, chị đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng anh Đ vẫn không từ bỏ, chị đã quá sức chịu đựng, tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày B và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày B, hiện 02 con sống chung với chị và đủ 18 tuổi, có khả

năng lao động được nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị D, mặc dù Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa các bên đương sự là “*Tranh chấp ly hôn*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện G theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[2] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị D có đơn xin vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Văn Đ vắng mặt không lý do mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) tiến hành xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Đ.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Đ có tổ chức cưới và đăng ký kết hôn nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét yêu cầu ly hôn của chị D, căn cứ vào lời khai của chị, Hội đồng xét xử nhận thấy, anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Đ có quan hệ tình cảm và chung sống với người phụ nữ khác, anh còn đam mê cờ bạc, đá gà, gây nợ nần, chị khuyên nhủ nhiều lần mà anh không thay đổi. Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần nhưng anh Đ vẫn không đến Tòa án và không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị D, cho thấy anh Đ không mong muốn hàn gắn tình cảm với chị, không tha thiết với cuộc hôn nhân này nữa. Từ những tình tiết nêu trên, cho thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu của chị D, cho chị D được ly hôn với anh Đ là có căn cứ và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] Về con chung: Anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Tấn P, sinh ngày B và Nguyễn Thị Bích N, sinh ngày B, các con chung đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3.4] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D có yêu cầu ly hôn nên chị phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017) và điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 228 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (Sửa đổi, bổ sung năm 2017);
- Điểm a khoản 5 và điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Nguyễn Văn Đ được ly hôn.
2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007468 ngày 17/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang. Như vậy, chị Nguyễn Thị D đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND H.G;
- CC.THADS H.G;
- UBND xã T, huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

Nguyễn Thị Diễm Trinh